

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Số: 1182/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 19 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng
của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công
trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23/11/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu
thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021;

Căn cứ Kế hoạch số 196/KH-UBND ngày 23/12/2024 của Ủy ban nhân dân
tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng (tại Tờ
trình số 1445/TTr-SGDĐT ngày 16/5/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của
người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng
năm 2025.

(Chi tiết theo Phương án đính kèm).

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các
sở, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên
quan triển khai Phương án trên; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình, kết
quả thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và
Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,
thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định
thi hành kể từ ngày ký. Như

Nơi nhận:

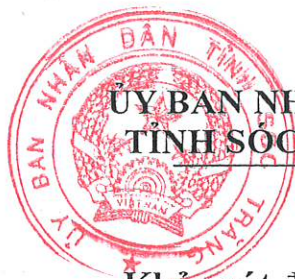
- Như Điều 3;
- Cục Thống kê;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

amb

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Khởi
Nguyễn Văn Khởi



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

**Khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng
dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1182 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công nhằm mục đích:

- Đánh giá một cách khoa học, khách quan chất lượng cung ứng dịch vụ của các cơ sở giáo dục công lập thông qua việc tìm hiểu cảm nhận của những đối tượng trực tiếp thụ hưởng những dịch vụ này. Kết quả khảo sát là cơ sở để các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục xác định được nhu cầu, nguyện vọng của người dân để có những biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và đảm bảo sự hài lòng của người dân với chất lượng dịch vụ giáo dục công.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục công lập đối với việc cung cấp chất lượng dịch vụ giáo dục.

- Xác định được chất lượng dịch vụ giáo dục công do một số cơ sở giáo dục công lập của tỉnh cung cấp.

2. Yêu cầu

- Việc đo lường, đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công phải được tiến hành một cách khoa học, khách quan, đúng tiến độ.

- Dựa trên kết quả khảo sát, đề xuất giải pháp nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ KHẢO SÁT

1. Phạm vi

Khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công lập được thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (11 huyện, thị xã, thành phố) đối với cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT).

2. Đối tượng khảo sát

- Cấp học mầm non, tiểu học, THCS: Đối tượng khảo sát là cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh (CMHS).

- Cấp học THPT: Đối tượng khảo sát là học sinh.

3. Đơn vị khảo sát

Khảo sát tại 44 đơn vị thuộc 11 huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

- Thành phố Sóc Trăng: Trường Mẫu giáo 01/6, Trường Tiểu học Trương Công Định, Trường THCS Lê Vĩnh Hoà, Trường THPT Thành phố Sóc Trăng.
- Thị xã Vĩnh Châu: Trường Mầm non Vĩnh Phước 1, Trường Tiểu học Vĩnh Tân 1, Trường THCS Vĩnh Hải, Trường THCS và THPT Lai Hoà.
- Thị xã Ngã Năm: Trường Mầm non Long Bình, Trường Tiểu học Mỹ Bình 1, Trường THCS Phường 3, Trường THPT Ngã Năm.
- Huyện Châu Thành: Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện, Trường Tiểu học An Hiệp A, Trường THCS Thuận Hoà, Trường THPT Phú Tâm.
- Huyện Kế Sách: Trường Mẫu giáo Ba Trinh, Trường Tiểu học Kế Thành 1, Trường THCS Thới An Hội, Trường THPT Kế Sách.
- Huyện Mỹ Tú: Trường Mầm non Huỳnh Hữu Nghĩa, Trường Tiểu học Thuận Hưng A, Trường THCS Hưng Phú, Trường THPT An Ninh.
- Huyện Mỹ Xuyên: Trường Mầm non 2-9 (xã Đại Tâm), Trường Tiểu học Tham Đôn 2, Trường THCS Đại Tâm, Trường THPT Mỹ Xuyên.
- Huyện Thạnh Trị: Trường Mầm non Hoa Hồng, Trường Tiểu học Phú Lộc 1, Trường THCS Phú Lộc, Trường THPT Trần Văn Bảy.
- Huyện Trần Đề: Trường Mầm non Liêu Tú, Trường Tiểu học thị trấn Trần Đề B, Trường THCS Trung Bình, Trường THCS và THPT Trần Đề.
- Huyện Cù Lao Dung: Trường Mầm non Sơn Ca, Trường Tiểu học Đại Ân 1A, Trường THCS thị trấn Cù Lao Dung, Trường THPT An Thạnh 3.
- Huyện Long Phú: Trường Mẫu giáo Tân Thạnh, Trường Tiểu học Tân Hưng A, Trường THCS Long Phú, Trường THPT Lương Định Của.

III. LOẠI KHẢO SÁT

Khảo sát đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng là khảo sát chọn mẫu.

Việc chọn mẫu khảo sát được thực hiện theo phương pháp phân tầng nhiều giai đoạn. Quá trình chọn được thực hiện theo các giai đoạn sau:

a) Giai đoạn 1. Chọn trường khảo sát: Mỗi huyện, thị xã, thành phố chọn 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường THCS, 01 trường THPT theo hình thức chọn ngẫu nhiên đơn giản.

b) Giai đoạn 2. Chọn khối lớp khảo sát:

Năm 2025, chọn khối lớp khảo sát¹ như sau:

¹ Chọn khối lớp khảo sát theo quy định tại Đề án số 2416/ĐA-SGDĐT ngày 08/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sóc Trăng về khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025 (Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 3139/QĐ-UBND ngày 21/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng).

Cấp học	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT
Khối lớp khảo sát	Lớp lá	Lớp 5	Lớp 9	Lớp 12

c) Giai đoạn 3: Chọn học sinh tham gia khảo sát

Việc chọn học sinh để khảo sát được tiến hành theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống và được thực hiện như sau:

- Bước 1. Tính số lượng cần khảo sát (cỡ mẫu) theo công thức:

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$$

Trong đó:

- n là cỡ mẫu;
- N là số học sinh (theo khối lớp) thụ hưởng dịch vụ;
- e là sai số cho phép (5%).

+ Tổng số mẫu khảo sát năm 2025 là 1.287 mẫu.

+ Danh sách phân bố mẫu khảo sát ở từng đơn vị theo phụ lục đính kèm.

- Bước 2. Tính khoảng cách mẫu:

Khoảng cách mẫu (kí hiệu là k) được tính bằng công thức

$$k = \frac{N}{n}$$

(N: Tổng toàn số theo khối lớp và n là cỡ mẫu)

- Bước 3. Tiến hành chọn ngẫu nhiên để đủ số lượng học sinh và CMHS cần khảo sát theo cỡ mẫu đã tính được ở Bước 1. Cách làm như sau:

+ Lập danh sách toàn thể số học sinh/CMHS theo khối lớp khảo sát trong trường theo thứ tự từ 1 đến N. Danh sách học sinh/CMHS được sắp xếp theo thứ tự lớp tăng dần (ví dụ: 12A1, 12A2) và thứ tự a, b, c của tên học sinh/CMHS.

+ Chọn ngẫu nhiên 1 số thứ tự trong khoảng từ 1 đến 1+k để có người đầu tiên tham gia vào mẫu (tương ứng với số thứ tự được chọn). Giả sử số thứ tự được chọn ngẫu nhiên đầu tiên là m₁ (1 ≤ m₁ ≤ k).

+ Chọn người tiếp theo tham gia vào mẫu bằng cách lấy m₁+k = m₂ làm số thứ tự cần chọn (được người thứ 2 ứng với số thứ tự m₂).

+ Tiếp tục thực hiện như vậy sẽ chọn được những người tiếp theo tham gia vào mẫu (lần lượt ứng với các số thứ tự m₃, m₄, ...). Quá trình này được thực hiện cho đến khi đủ số người theo cỡ mẫu n đã tính được ở Bước 1.

- Bước 4. Lập danh sách học sinh/CMHS ứng với các số thứ tự đã chọn được (lần lượt theo các số thứ tự: m₁, m₂, m₃,...mn) để tiến hành khảo sát trên những người được chọn.

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI GIAN, PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

1. Thời điểm, thời gian khảo sát

Thời gian khảo sát là 10 ngày; thời điểm bắt đầu khảo sát dự kiến từ 22/5/2025 đến 31/5/2025.

2. Phương pháp khảo sát

Sử dụng phương pháp khảo sát trực tuyến. Phiếu khảo sát được lập trên hệ thống Google Forms; cán bộ khảo sát gửi link phiếu khảo sát và hướng dẫn trả lời phiếu qua địa chỉ email của học sinh, cha mẹ học sinh. Học sinh, cha mẹ học sinh trả lời phiếu và gửi kết quả trực tuyến. Cán bộ khảo sát thống kê kết quả trả lời và xử lý kết quả.

V. NỘI DUNG, PHIẾU KHẢO SÁT

1. Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát được chia thành 7 phần chính, bao gồm:

- A. Tiếp cận dịch vụ giáo dục;
- B. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học;
- C. Môi trường giáo dục;
- D. Hoạt động giáo dục;
- E. Sự phát triển và tiến bộ của con (đối với cấp THCS, THPT là: Sự phát triển và thực hiện nghĩa vụ công dân);
- F. Đánh giá chung;
- G. Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

2. Phiếu khảo sát

Cuộc khảo sát sử dụng 04 phiếu khảo sát, bao gồm:

- Phiếu số 1/KSCM2024-MN: Phiếu khảo sát ý kiến cha mẹ trẻ mầm non đối với dịch vụ giáo dục công;
- Phiếu số 2/KSCM2024-TH: Phiếu khảo sát ý kiến cha mẹ trẻ tiểu học đối với dịch vụ giáo dục công;
- Phiếu số 3/KSCM2024-THCS: Phiếu khảo sát ý kiến cha mẹ trẻ học sinh THCS đối với dịch vụ giáo dục công;
- Phiếu số 4/KSHS2024-THPT: Phiếu khảo sát ý kiến học sinh THPT đối với dịch vụ giáo dục công.

(Kèm theo Phiếu khảo sát).

VI. PHÂN LOẠI THÔNG KÊ SỬ DỤNG TRONG KHẢO SÁT

Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng sử dụng bảng phân loại, danh mục sau:

- Danh mục các đơn vị hành chính: Áp dụng bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm khảo sát.

- Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thống kê.

- Danh mục giáo dục, đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

- Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 34/2020/QĐ-TTg ngày 26/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ VÀ BIỂU ĐÀU RA CỦA KHẢO SÁT

1. Quy trình xử lý

- Cán bộ phụ trách thống kê kết quả khảo sát từ Google Forms sau đó, xử lý dữ liệu bằng phần mềm excel.

- Chuyên gia xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS, phân tích, tính toán chỉ số hài lòng của người dân về chất lượng dịch vụ giáo dục công lập.

- Cán bộ phụ trách xây dựng báo cáo kết quả chỉ số hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công lập.

2. Tính toán chỉ số hài lòng, biểu đầu ra của khảo sát

Các phần A, B, C, D và E mỗi phiếu hỏi là những câu hỏi mà đối tượng khảo sát có thể trả lời các giá trị 1, 2, 3, 4 hoặc 5. Mỗi giá trị này được coi là điểm của câu hỏi mà đối tượng khảo sát đó xác định.

a) Điểm hài lòng (áp dụng cho đối tượng khảo sát, tối đa là 5)

- Điểm hài lòng của đối tượng (ĐHLĐT) là điểm trung bình của tất cả câu hỏi mà đối tượng đó tham gia trả lời: Điểm hài lòng của đối tượng bằng tổng điểm các câu hỏi chia cho tổng số câu hỏi.

- Điểm hài lòng chung là trung bình cộng của các điểm hài lòng của đối tượng: Điểm hài lòng chung bằng $\text{ĐHLĐT}_1 + \dots + \text{ĐHLĐT}_m + \dots$ chia cho tổng số đối tượng.

- Điểm hài lòng của câu hỏi là điểm trung bình của câu hỏi đó: Điểm hài lòng của câu hỏi bằng tổng điểm các đối tượng ở câu hỏi chia cho tổng số đối tượng.

- Điểm hài lòng lĩnh vực là điểm trung bình của tất cả các câu hỏi thuộc lĩnh vực đó: Điểm hài lòng lĩnh vực bằng tổng điểm các câu hỏi thuộc lĩnh vực chia tổng số câu hỏi thuộc lĩnh vực.

b) Tỷ lệ hài lòng (áp dụng cho các đối tượng khảo sát, tối đa là 100)

- Tỷ lệ hài lòng của đối tượng là tỷ lệ phần trăm những câu hỏi có điểm 4 và 5: Tỷ lệ hài lòng của đối tượng = Tổng câu hỏi 4 điểm + Tổng câu hỏi 5 điểm chia tổng số câu hỏi, nhân 100.

- Tỷ lệ hài lòng chung là trung bình cộng tỷ lệ hài lòng của đối tượng.

- Tỷ lệ hài lòng toàn diện là tỷ lệ phần trăm đối tượng lựa chọn từ 4 trở lên với tất cả câu hỏi: Tỷ lệ hài lòng toàn diện = Tổng số người có 4, 5 điểm ở tất cả các câu hỏi chia cho tổng số đối tượng, nhân 100.

c) Sự đáp ứng của trường so với mong đợi

- Tỷ lệ đáp ứng của trường so với mong đợi của người dân được tính bằng tỷ lệ trung bình chung của tất cả các đối tượng khảo sát.

- Điểm hài lòng chung và tỷ lệ hài lòng chung của người dân đối với dịch vụ giáo dục công được xây dựng trên cơ sở các giá trị tương ứng từ các cấp mầm non, tiểu học, THCS, THPT với trọng số W_i (là tỉ trọng học sinh công lập của cấp học đó so với tổng số học sinh công lập).

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH KHẢO SÁT

STT	Nội dung công việc	Thời gian hoàn thành	Đơn vị/cá nhân phụ trách
1	Lập dự thảo phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị.	Tháng 3/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Gửi dự thảo Phương án Khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025 để Cục Thống kê thẩm định.	Tháng 3/2025	UBND tỉnh Sóc Trăng
3	Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Cục Thống kê và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án khảo sát; phân công cán bộ khảo sát; trình UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện phương án khảo sát.	Tháng 5/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Tạo phiếu khảo sát trên Google forms	1 ngày trong tháng 5/2025	
5	Thống kê, lập danh sách đối tượng khảo sát	03 ngày trong tháng 5/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Tiến hành hoạt động khảo sát	10 ngày trong tháng 5/2025	Cán bộ khảo sát

7	Thống kê kết quả khảo sát	2 ngày trong tháng 5/2025	
8	Tổng hợp, phân tích dữ liệu, dự thảo báo cáo kết quả khảo sát.	Từ ngày 01/6/2025 đến 15/6/2025	Cán bộ phụ trách
9	Lấy ý kiến góp ý dự thảo báo cáo kết quả khảo sát và hoàn thiện báo cáo.	Từ ngày 16/6/2025 đến 26/6/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Trình Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt và công bố kết quả khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025.	Tháng 7/2025	Sở Giáo dục và Đào tạo

IX. TỔ CHỨC KHẢO SÁT

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Xây dựng phương án khảo sát; lập kế hoạch tổ chức thực hiện khảo sát; phân công công chức, viên chức thực hiện khảo sát;

- Tổng hợp, phân tích, báo cáo kết quả khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025 trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tham mưu, đề xuất các giải pháp xử lý khắc phục hạn chế, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Tham mưu công bố kết quả khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025.

2. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo góp ý, xây dựng để hoàn chỉnh dự thảo Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025;

- Theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện khảo sát;

- Thẩm định báo cáo kết quả khảo sát.

3. Sở Tài chính

Sở Tài chính phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025 theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, theo phân cấp và theo quy định Luật Ngân sách nhà nước; phối hợp hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng

- Phổ biến Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh năm 2025 đến các đơn vị giáo dục công có liên quan trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố;

- Chỉ đạo các đơn vị được khảo sát trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình khảo sát;

- Căn cứ kết quả điều tra, triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

5. Các trường được lựa chọn điều tra, khảo sát

Thủ trưởng đơn vị cung cấp danh sách học sinh, cha mẹ học sinh của đơn vị; phối hợp, đôn đốc việc thực hiện khảo sát của học sinh, cha mẹ học sinh.

X. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025 do ngân sách nhà nước đảm bảo từ nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ đã giao về Sở Giáo dục và Đào tạo và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai Phương án được thực hiện theo quy định.

Trên đây là Phương án khảo sát đánh giá, đo lường sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2025./.

Phụ lục: PHIẾU KHẢO SÁT

Phiếu số 1/KSCM2024-MN

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SÓC TRĂNG

PHIẾU KHẢO SÁT

Ý KIẾN CHA MẸ TRẺ MẦM NON ĐỐI VỚI DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy và học, đáp ứng nhu cầu của người dân, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục. Những ý kiến quý báu của Ông/Bà sẽ giúp tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

a) Giới tính: 1. Nam 2. Nữ	b) Năm sinh:.....	c) Dân tộc:
d) Trình độ học vấn cao nhất của người trả lời phiếu khảo sát	0. Không có bằng cấp	5. Trung cấp
	1. Tiểu học	6. Cao đẳng
	2. Trung học cơ sở	7. Đại học
	3. Trung học phổ thông	8. Trên Đại học
	4. Sơ cấp	9. Trình độ khác (ghi rõ)
đ) Nghề nghiệp	1. Nông dân	4. Viên chức
	2. Công nhân	5. Buôn bán
	3. Công chức	6. Khác (ghi rõ):
e) Quan hệ của người trả lời phiếu với học sinh	1. Cha, mẹ	3. Anh, chị, em
	2. Ông, bà	4. Quan hệ khác (ghi rõ):.....
g) Trường con Ông/Bà theo học	1. Tên trường:	2. Xã, phường, thị trấn:.....
		
	3. Huyện thị xã, thành phố:.....	4. Tỉnh: Sóc Trăng

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG

Ông/Bà hài lòng như thế nào đối với các dịch vụ giáo dục ở trường mà con/em của ông bà đang học? (Mỗi vấn đề khoanh tròn chỉ vào 1 chữ số phù hợp)

TT	Tiêu chí đánh giá	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
A	Tiếp cận dịch vụ giáo dục	5	4	3	2	1
1	Cung cấp thông tin tuyển sinh, chuyển trường đầy đủ, kịp thời	5	4	3	2	1
2	Thực hiện thủ tục nhập học, chuyển trường thuận tiện	5	4	3	2	1
3	Mức học phí theo quy định Nhà nước phù hợp	5	4	3	2	1

4	Khoản đóng góp theo quy định của trường phù hợp	5	4	3	2	1
B	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	5	4	3	2	1
5	Phòng học đáp ứng diện tích, thiết bị, vệ sinh, an toàn cho trẻ	5	4	3	2	1
6	Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng số lượng, chất lượng, loại	5	4	3	2	1
7	Sân chơi đáp ứng diện tích, bóng mát, đồ chơi, an toàn,...	5	4	3	2	1
8	Khu vực vệ sinh cho trẻ an toàn, sạch sẽ, có thiết bị tối thiểu	5	4	3	2	1
C	Môi trường giáo dục	5	4	3	2	1
9	Các thành viên nhà trường đều gần gũi, thân thiện, tạo cơ hội để trẻ tham gia các hoạt động	5	4	3	2	1
10	Các bé đều thân thiện, yêu thương, nhường nhịn nhau	5	4	3	2	1
11	Giáo viên tận tâm, nhiệt tình, yêu quý, công bằng,... đối với trẻ	5	4	3	2	1
12	Nhà trường phối hợp tốt với gia đình để chăm sóc, giáo dục trẻ	5	4	3	2	1
13	Môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện với trẻ	5	4	3	2	1
D	Hoạt động giáo dục	5	4	3	2	1
14	Tổ chức chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ tốt (số bữa ăn, khẩu phần ăn, thời gian các bữa, chế độ dinh dưỡng...)	5	4	3	2	1
15	Tổ chức các hoạt động giáo dục và vui chơi cho trẻ chất lượng	5	4	3	2	1
16	Tổ chức chăm sóc sức khỏe cho trẻ tốt (vệ sinh cá nhân, khám sức khỏe định kỳ, phòng bệnh, phát hiện và can thiệp sớm)	5	4	3	2	1
17	Trao đổi thường xuyên về kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ	5	4	3	2	1
18	Cô nuôi nhiệt tình, yêu thương, am hiểu và chăm sóc trẻ tốt	5	4	3	2	1
E	Sự phát triển và tiến bộ của con	5	4	3	2	1
19	Con phát triển thể chất tốt (chiều cao, cân nặng, vận động)	5	4	3	2	1
20	Con tiến bộ về nhận thức (hiểu biết môi trường tự nhiên, môi trường xã hội và tính toán đơn giản)	5	4	3	2	1
21	Con tiến bộ về ngôn ngữ (nghe, hiểu, diễn đạt)	5	4	3	2	1

22	Con tiến bộ trong lĩnh vực tình cảm và tiến bộ xã hội	5	4	3	2	1
F	Đánh giá chung					
23	Nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của ông/bà khi cho con đi học? (điền từ 0% đến 100%, hoặc trên 100% nếu trường phục vụ tốt, vượt quá sự mong đợi của ông/bà)					
G. Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non						
24	Tiếp cận dịch vụ giáo dục:					
25	Cơ sở vật chất:					
26	Môi trường giáo dục:					
27	Hoạt động chăm sóc, giáo dục:					
28	Sự phát triển và tiến bộ của trẻ em:					

Cảm ơn Ông/Bà đã tham gia trả lời!

Phiếu số 2/KSCM2024-TH

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SÓC TRĂNG**PHIẾU KHẢO SÁT****Ý KIẾN CHA MẸ HỌC SINH TIỂU HỌC ĐỐI VỚI DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG**

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy và học, đáp ứng nhu cầu của người dân, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục. Những ý kiến quý báu của Ông/Bà sẽ giúp tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

a) Giới tính: 1. Nam 2. Nữ	b) Năm sinh:.....	c) Dân tộc:.....
d) Trình độ học vấn cao nhất của người trả lời phiếu khảo sát	0. Không có bằng cấp	5. Trung cấp
	1. Tiểu học	6. Cao đẳng
	2. Trung học cơ sở	7. Đại học
	3. Trung học phổ thông	8. Trên Đại học
	4. Sơ cấp	9. Trình độ khác (ghi rõ)
đ) Nghề nghiệp	1. Nông dân	4. Viên chức
	2. Công nhân	5. Buôn bán
	3. Công chức	6. Khác (ghi rõ):
e) Quan hệ của người trả lời phiếu với học sinh	1. Cha, mẹ	3. Anh, chị, em
	2. Ông, bà	4. Quan hệ khác (ghi rõ):
g) Trường con Ông/Bà theo học	1. Tên trường:.....	2. Xã, phường, thị trấn:
	3. Huyện, thị xã, thành phố:	4. Tỉnh: Sóc Trăng

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG

Ông/bà hài lòng như thế nào đối với các dịch vụ giáo dục ở trường mà con/em của ông bà đang học? (Mỗi vấn đề khoanh tròn chỉ vào 1 chữ số phù hợp)

TT	Tiêu chí đánh giá	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
A	Tiếp cận dịch vụ giáo dục	5	4	3	2	1
1	Cung cấp thông tin tuyển sinh, chuyên trường đầy đủ, kịp thời	5	4	3	2	1
2	Thực hiện thủ tục nhập học, chuyên trường thuận tiện	5	4	3	2	1
3	Địa điểm trường học gần nhà, đi lại thuận tiện, an toàn	5	4	3	2	1

4	Khoản đóng góp theo quy định của trường, ban đại diện cha mẹ học sinh phù hợp	5	4	3	2	1
B	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	5	4	3	2	1
5	Phòng học đáp ứng diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, quạt điện	5	4	3	2	1
6	Thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng số lượng, chất lượng, loại	5	4	3	2	1
7	Thư viện đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị,...	5	4	3	2	1
8	Sân chơi, bãi tập thể dục thể thao đáp ứng diện tích, bóng mát	5	4	3	2	1
9	Khu vực vệ sinh cho học sinh an toàn, sạch sẽ, có thiết bị cơ bản	5	4	3	2	1
C	Môi trường giáo dục	5	4	3	2	1
10	Dạy học và đánh giá kết quả học tập công bằng, minh bạch	5	4	3	2	1
11	Mối quan hệ giữa các học sinh thân thiện, thân ái, đoàn kết	5	4	3	2	1
12	Giáo viên tận tâm, nhiệt tình, yêu thương, tâm lý,... học sinh	5	4	3	2	1
13	Giáo viên nhiệt tình, có trách nhiệm, tôn trọng cha mẹ học sinh	5	4	3	2	1
14	Môi trường tự nhiên đầy đủ bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng	5	4	3	2	1
15	Trong trường và khu vực xung quanh an ninh, an toàn, lành mạnh	5	4	3	2	1
D	Hoạt động giáo dục	5	4	3	2	1
16	Kiến thức trong sách giáo khoa phù hợp với khả năng của con	5	4	3	2	1
17	Các hoạt động giáo dục phù hợp: thời khóa biểu, hình thức...	5	4	3	2	1
18	Phương pháp dạy học của giáo viên dễ hiểu, hấp dẫn, lôi cuốn	5	4	3	2	1
19	Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng	5	4	3	2	1
20	Tổ chức đa dạng hoạt động: trải nghiệm, câu lạc bộ, sinh hoạt...	5	4	3	2	1
21	Giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình, yêu thương, tư vấn tốt cho học sinh	5	4	3	2	1
E	Sự phát triển và tiến bộ của con	5	4	3	2	1
22	Con tiến bộ nhiều về kết quả học tập và rèn luyện đạo đức	5	4	3	2	1

23	Con phát triển thể chất tốt (chiều cao, cân nặng, vận động)	5	4	3	2	1
24	Con thể hiện khả năng thẩm mỹ tốt (vẽ, thủ công, âm nhạc)	5	4	3	2	1
F	Đánh giá chung	%				
25	Nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của ông/bà khi cho con đi học? (điền từ 0% đến 100%, hoặc trên 100% nếu trường phục vụ tốt, vượt quá sự mong đợi của ông/bà)					
G. Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục						
26	Tiếp cận dịch vụ giáo dục:					
27	Cơ sở vật chất:					
28	Môi trường giáo dục:					
29	Hoạt động giáo dục:					
30	Sự phát triển và tiến bộ của học sinh:					

Cảm ơn Ông/Bà đã tham gia trả lời!

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SÓC TRĂNG**PHIẾU KHẢO SÁT****Ý KIẾN CHA MẸ HỌC SINH THCS ĐỐI VỚI DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG**

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy và học, đáp ứng nhu cầu của người dân, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục. Những ý kiến quý báu của Ông/Bà sẽ giúp tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

a) Giới tính: 1. Nam 2. Nữ	b) Năm sinh:	c) Dân tộc:
d) Trình độ học vấn cao nhất của người trả lời phiếu khảo sát	0. Không có bằng cấp	5. Trung cấp
	1. Tiểu học	6. Cao đẳng
	2. Trung học cơ sở	7. Đại học
	3. Trung học phổ thông	8. Trên Đại học
	4. Sơ cấp	9. Trình độ khác (ghi rõ)
đ) Nghề nghiệp	1. Nông dân	4. Viên chức
	2. Công nhân	5. Buôn bán
	3. Công chức	6. Khác (ghi rõ):
e) Quan hệ của người trả lời phiếu với học sinh	1. Cha, mẹ	3. Anh, chị, em
	2. Ông, bà	4. Quan hệ khác (ghi rõ):
g) Trường con Ông/Bà theo học	1. Tên trường:	2. Xã, phường, thị trấn:
		
	3. Huyện, thị xã, thành phố:	4. Tỉnh: Sóc Trăng

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG

Ông/Bà hài lòng như thế nào đối với các dịch vụ giáo dục ở trường mà con/em của ông bà đang học? (Mỗi vấn đề khoanh tròn chỉ vào 1 chữ số phù hợp)

TT	Tiêu chí đánh giá	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
A	Tiếp cận dịch vụ giáo dục	5	4	3	2	1
1	Cung cấp thông tin tuyển sinh, chuyển trường đầy đủ, kịp thời	5	4	3	2	1
2	Thực hiện thủ tục nhập học, chuyển trường thuận tiện	5	4	3	2	1
3	Mức học phí theo quy định Nhà nước phù hợp	5	4	3	2	1

4	Các khoản đóng góp theo quy định của trường, ban đại diện cha mẹ học sinh phù hợp	5	4	3	2	1
B	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	5	4	3	2	1
5	Phòng học đáp ứng diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, quạt điện	5	4	3	2	1
6	Thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng số lượng, chất lượng, loại	5	4	3	2	1
7	Thư viện đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị,...	5	4	3	2	1
8	Sân chơi, bãi tập thể dục thể thao đáp ứng diện tích, bóng mát	5	4	3	2	1
9	Khu vực vệ sinh cho học sinh an toàn, sạch sẽ, có thiết bị cơ bản	5	4	3	2	1
C	Môi trường giáo dục	5	4	3	2	1
10	Dạy học và đánh giá kết quả học tập công bằng, minh bạch	5	4	3	2	1
11	Mối quan hệ giữa các học sinh thân thiện, thân ái, đoàn kết	5	4	3	2	1
12	Giáo viên tận tâm, nhiệt tình, yêu quý, tôn trọng học sinh	5	4	3	2	1
13	Giáo viên nhiệt tình, có trách nhiệm, tôn trọng cha mẹ học sinh	5	4	3	2	1
14	Môi trường tự nhiên đầy đủ bóng mát, ánh sáng, thoáng đãng	5	4	3	2	1
15	Trong trường và khu vực xung quanh an ninh, an toàn, lành mạnh	5	4	3	2	1
D	Hoạt động giáo dục	5	4	3	2	1
16	Kiến thức trong sách giáo khoa phù hợp với khả năng của con	5	4	3	2	1
17	Tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp (thời khóa biểu, nội dung); hình thức đa dạng (trải nghiệm, giao lưu, câu lạc bộ)	5	4	3	2	1
18	Phương pháp dạy học của giáo viên dễ hiểu, hấp dẫn, hiệu quả	5	4	3	2	1
19	Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng	5	4	3	2	1
20	Việc phụ đạo học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi hiệu quả	5	4	3	2	1
21	Giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình, tâm lý và tư vấn tốt cho học sinh	5	4	3	2	1
E	Sự phát triển và thực hiện nghĩa vụ công dân của con	5	4	3	2	1
22	Con tiến bộ nhiều về kết quả học tập và rèn luyện đạo đức	5	4	3	2	1

23	Con phát triển thể chất tốt (chiều cao, cân nặng, vận động)	5	4	3	2	1
24	Con có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn	5	4	3	2	1
25	Con thực hiện tốt các nghĩa vụ gia đình, cộng đồng; phát huy truyền thống quê hương; thực hiện quyền trẻ em...	5	4	3	2	1
F	Đánh giá chung					
26	Nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của ông/bà khi cho con đi học? (điền từ 0% đến 100%, hoặc trên 100% nếu trường phục vụ tốt, vượt quá sự mong đợi của ông/bà)					
G. Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục						
27	Tiếp cận dịch vụ giáo dục:					
28	Cơ sở vật chất:					
29	Môi trường giáo dục:					
30	Hoạt động giáo dục:					
31	Sự phát triển và thực hiện nghĩa vụ công dân của học sinh:					

Cảm ơn Ông/Bà đã tham gia trả lời!

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH SÓC TRĂNG**PHIẾU KHẢO SÁT****Ý KIẾN HỌC SINH THPT ĐỐI VỚI DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG**

Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động dạy và học, đáp ứng nhu cầu của người dân, Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức khảo sát sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục. Những ý kiến quý báu của Em sẽ giúp tìm ra các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI TRẢ LỜI

a) Giới tính: 1. Nam 2. Nữ	b) Năm sinh:.....	c) Dân tộc:.....
d) Trường Em đang học	1. Tên trường:.....	2. Xã, phường, thị trấn:
	3. Huyện, thị xã, thành phố:	4. Tỉnh: Sóc Trăng

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ GIÁO DỤC CÔNG

Em hài lòng như thế nào đối với các dịch vụ giáo dục ở trường của Em? (Mỗi vấn đề khoanh tròn chỉ vào 1 chữ số phù hợp)

TT	Tiêu chí đánh giá	Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng
A	Tiếp cận dịch vụ giáo dục	5	4	3	2	1
1	Cung cấp thông tin tuyển sinh, chuyển trường đầy đủ, kịp thời	5	4	3	2	1
2	Thực hiện thủ tục nhập học, chuyển trường thuận tiện	5	4	3	2	1
3	Địa điểm của trường học gần nhà, đi lại thuận tiện, an toàn	5	4	3	2	1
B	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	5	4	3	2	1
4	Phòng học và phòng đa năng đáp ứng về diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, quạt điện	5	4	3	2	1
5	Thiết bị, đồ dùng dạy học đáp ứng số lượng, chất lượng, loại	5	4	3	2	1
6	Thư viện đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị,...	5	4	3	2	1
7	Sân chơi, bãi tập thể dục thể thao đáp ứng diện tích, bóng mát	5	4	3	2	1
8	Khu vực vệ sinh cho học sinh an toàn, sạch sẽ, có thiết bị cơ bản	5	4	3	2	1
C	Môi trường giáo dục	5	4	3	2	1
9	Dạy học và đánh giá kết quả học tập công bằng, minh bạch	5	4	3	2	1

10	Mối quan hệ giữa các học sinh thân thiện, thân ái, đoàn kết	5	4	3	2	1
11	Giáo viên tận tâm, nhiệt tình, yêu quý, tôn trọng học sinh	5	4	3	2	1
12	Môi trường tự nhiên đầy đủ ánh sáng, thoáng đãng, bóng mát	5	4	3	2	1
13	Trong trường và khu vực xung quanh an ninh, an toàn, lành mạnh	5	4	3	2	1
D	Hoạt động giáo dục	5	4	3	2	1
14	Kiến thức, kỹ năng trong sách giáo khoa phù hợp với khả năng, nhận thức của em	5	4	3	2	1
15	Tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp (thời khóa biểu, nội dung); hình thức đa dạng (trải nghiệm, giao lưu, câu lạc bộ)	5	4	3	2	1
16	Phương pháp dạy học của giáo viên dễ hiểu, hấp dẫn, hiệu quả	5	4	3	2	1
17	Hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng	5	4	3	2	1
18	Việc phụ đạo học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh giỏi hiệu quả	5	4	3	2	1
19	Giáo viên chủ nhiệm nhiệt tình, sâu sát và tư vấn tốt cho học sinh	5	4	3	2	1
20	Hoạt động giáo dục hướng nghiệp giúp am hiểu nghề nghiệp	5	4	3	2	1
E	Sự phát triển và thực hiện nghĩa vụ công dân của Em	5	4	3	2	1
21	Em tiến bộ nhiều về kết quả học tập và rèn luyện đạo đức	5	4	3	2	1
22	Em phát triển thể chất tốt (chiều cao, cân nặng, vận động)	5	4	3	2	1
23	Em có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn	5	4	3	2	1
24	Em có thể định hướng nghề nghiệp tương lai của bản thân	5	4	3	2	1
25	Em thực hiện tốt các nghĩa vụ gia đình; công dân về kinh tế, văn hóa, xã hội; quyền dân chủ và bình đẳng,...	5	4	3	2	1
F	Đánh giá chung	%				
26	Nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của Em trước khi Em đi học? (điền từ 0% đến 100%, hoặc trên 100% nếu trường phục vụ tốt, vượt quá sự mong đợi của Em)					
G. Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục						
27	Tiếp cận dịch vụ giáo dục:					

28	Cơ sở vật chất:
29	Môi trường giáo dục:
30	Hoạt động giáo dục:
31	Sự phát triển và thực hiện nghĩa vụ công dân của học sinh:

Cảm ơn Em đã tham gia trả lời!

Phụ lục
DANH SÁCH PHÂN BỐ MẪU KHẢO SÁT NĂM 2025

STT	Đơn vị	Số học sinh của khối lớp khảo sát	Số mẫu khảo sát	Huyện, thị xã, thành phố
	Cấp Mầm non (khảo sát lớp lá)	1306	308	
1	Trường Mẫu giáo 01/6	93	28	Sóc Trăng
2	Trường Mầm non Vĩnh Phước 1	214	28	Vĩnh Châu
3	Trường Mầm non Long Bình	89	28	Ngã Năm
4	Trường Mẫu giáo Hồ Đắc Kiện	89	28	Châu Thành
5	Trường Mẫu giáo Ba Trinh	136	28	Kế Sách
6	Trường Mầm non Huỳnh Hữu Nghĩa	157	28	Mỹ Tú
7	Trường Mầm non 2-9	94	28	Mỹ Xuyên
8	Trường Mầm non Hoa Hồng	160	28	Thanh Trị
9	Trường Mầm non Liêu Tú	61	28	Trần Đề
10	Trường Mầm non Sơn Ca	77	28	Cù Lao Dung
11	Trường Mẫu giáo Tân Thạnh	136	28	Long Phú
	Cấp Tiểu học (khảo sát lớp 5)	1168	297	
1	Trường Tiểu học Trương Công Định	187	27	Sóc Trăng
2	Trường Tiểu học Vĩnh Tân 1	92	27	Vĩnh Châu
3	Trường Tiểu học Mỹ Bình 1	62	27	Ngã Năm
4	Trường Tiểu học An Hiệp A	98	27	Châu Thành
5	Trường Tiểu học Kế Thành 1	63	27	Kế Sách
6	Trường Tiểu học Thuận Hưng A	68	27	Mỹ Tú
7	Trường Tiểu học Tham Đôn 2	81	27	Mỹ Xuyên
8	Trường Tiểu học Phú Lộc 1	235	27	Thanh Trị
9	Trường Tiểu học thị trấn Trần Đề B	71	27	Trần Đề
10	Trường Tiểu học Đại Ân 1A	79	27	Cù Lao Dung
11	Trường Tiểu học Tân Hưng A	132	27	Long Phú
	Cấp THCS (khảo sát lớp 9)	1571	319	
1	Trường THCS Lê Vĩnh Hoà	200	29	Sóc Trăng
2	Trường THCS Vĩnh Hải	241	29	Vĩnh Châu
3	Trường THCS Phường 3	79	29	Ngã Năm
4	Trường THCS Thuận Hoà	71	29	Châu Thành
5	Trường THCS Thới An Hội	190	29	Kế Sách
6	Trường THCS Hưng Phú	50	29	Mỹ Tú
7	Trường THCS Đại Tâm	170	29	Mỹ Xuyên
8	Trường THCS Phú Lộc	216	29	Thanh Trị
9	Trường THCS Trung Bình	74	29	Trần Đề

10	Trường THCS thị trấn Cù Lao Dung	127	29	Cù Lao Dung
11	Trường THCS Long Phú	153	29	Long Phú
	Cấp THPT (khảo sát lớp 12)	3552	363	
1	Trường THPT thành phố Sóc Trăng	615	33	Sóc Trăng
2	Trường THCS và THPT Lai Hoà	186	33	Vĩnh Châu
3	Trường THPT Ngã Năm	179	33	Ngã Năm
4	Trường THPT Phú Tâm	239	33	Châu Thành
5	Trường THPT Kế Sách	511	33	Kế Sách
6	Trường THPT An Ninh	172	33	Mỹ Tú
7	Trường THPT Mỹ Xuyên	472	33	Mỹ Xuyên
8	Trường THPT Trần Văn Bảy	569	33	Thạnh Trị
9	Trường THCS và THPT Trần Đề	186	33	Trần Đề
10	Trường THPT An Thạnh 3	163	33	Cù Lao Dung
11	Trường THPT Lương Định Của	260	33	Long Phú

Phụ lục HƯỚNG DẪN CÁCH GHI PHIẾU KHẢO SÁT

1. Đối với các câu hỏi trong phần Thông tin chung về người trả lời (Phần I)

Người trả lời khoanh tròn vào một trong số các phương án trả lời đã soạn sẵn đối với các câu hỏi về giới tính, học vấn hoặc điền thông tin chi tiết vào chỗ trống đối với các câu hỏi về năm sinh, nghề nghiệp, dân tộc và trường đang theo học. Ví dụ:

a) Giới tính: Nam: khoanh tròn vào số 1; Nữ: khoanh tròn vào số 2

b) Năm sinh: Ghi năm sinh của người trả lời.

c) Dân tộc: Ghi dân tộc của người trả lời.

d) Trình độ học vấn cao nhất (phiếu khảo sát cha mẹ học sinh mầm non, tiểu học, THCS): khoanh tròn vào 01 trong 9 trường hợp: 0. Không có bằng cấp; 1. Tiểu học; 2. Trung học cơ sở; 3. Trung học phổ thông; 4. Sơ cấp; 5. Trung cấp; 6. Cao đẳng; 7. Đại học; 8. Trên đại học.

Riêng trường hợp 9. Trình độ khác (ghi rõ), người trả lời ghi rõ trình độ của mình. Ví dụ: 4/12, 10/12, ...

đ) Nghề nghiệp: Khoanh tròn vào 1 trong các trường hợp: 1. Nông dân
2. Công nhân 3. Công chức 4. Viên chức 5. Buôn bán
6. Khác (ghi rõ):

e) Quan hệ của người trả lời phiếu với học sinh: Khoanh tròn vào 1 trong các trường hợp: 1. Cha, mẹ 2. Ông, bà 3. Anh, chị, em 4. Quan hệ khác (ghi rõ):

g) Trường con ông/bà theo học: 1. Tên trường: Ghi rõ tên trường con đang theo học. 2. Xã, phường, thị trấn: Ghi rõ xã, phường - nơi trường đặt trụ sở. 3. Quận, huyện: Ghi rõ quận, huyện - nơi trường đặt trụ sở. 4. Tỉnh: Ghi rõ tỉnh nơi trường đặt trụ sở.

2. Đối với các câu hỏi trong phần Đánh giá dịch vụ giáo dục công (Phần II)

Mỗi lĩnh vực được đánh giá thông qua một số khía cạnh (mỗi khía cạnh tương ứng với 01 câu hỏi) với 5 mức đánh giá - từ cao đến thấp - thể hiện cảm nhận của người trả lời về từng khía cạnh cụ thể của dịch vụ giáo dục công lần lượt là: "5. Rất hài lòng; 4. Hài lòng; 3. Bình thường; 2. Không hài lòng; 1. Rất không hài lòng". Ở mỗi câu hỏi, người trả lời khảo sát bằng cách khoanh tròn vào 1 chữ số phù hợp. Trường hợp muốn thay đổi chữ số khác thì gạch chéo vào chữ số đã chọn sai và khoanh tròn vào chữ số khác.

Đầu mỗi lĩnh vực có một câu hỏi về mức độ hài lòng chung về lĩnh vực đó cũng ở mức từ cao nhất đến thấp nhất. Ví dụ: A. Tiếp cận dịch vụ giáo dục; B.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học v.v.. Người trả lời cũng khoanh tròn vào mức tương ứng với cảm nhận chung của mình về lĩnh vực này (mức độ hài lòng nói chung cần phải tương thích với mức độ hài lòng với các nội dung thành phần bên dưới).

Một số câu hỏi trong Phiếu khảo sát được thiết kế theo kiểu lồng ghép (hỏi nhiều nội dung trong cùng một câu hỏi). Ví dụ: Phòng học đáp ứng diện tích, độ kiên cố, ánh sáng, quạt điện. Đối với loại câu hỏi này, người trả lời cần căn cứ trên cảm nhận chung về các nội dung trong câu hỏi để đánh giá mức độ hài lòng phù hợp.

Phần F là phần đánh giá chung nhà trường đáp ứng bao nhiêu % sự mong đợi của người trả lời. Người trả lời điền từ 0% đến 100%, hoặc trên 100% nếu trường phục vụ tốt, vượt quá sự mong đợi của mình.

Phần G là phần “Đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục” (Phần G). Phần G nhằm thu thập ý kiến tư vấn của người dân cho các cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục cải tiến cách cung ứng, các điều kiện cung ứng dịch vụ để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đáp ứng nguyện vọng của người dân, cải thiện mức độ hài lòng của họ đối với dịch vụ giáo dục công. Ở phần G, người trả lời ghi cụ thể ý kiến của mình vào các dòng kẻ đã được kẻ sẵn./.